

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÌNH LẬP  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HS-ST  
Ngày 07 - 01 - 2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Chung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Văn Chiều

Ông Hoàng Văn Lương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lành Thị Vệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/HSST-QĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo **Bùi Văn C**, tên gọi khác: không có; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1973, tại huyện Đ, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Khu X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức, công tác tại Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn N, sinh năm 1940 (đã chết) và bà: Đỗ Thị B, sinh năm 1942; vợ: Vi Thị T, sinh năm 1977; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2007; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; bị cáo là Đảng viên Đảng Công sản Việt Nam, đang bị Đình chỉ sinh hoạt Đảng 90 (chín mươi) ngày làm việc kể từ ngày 11/12/2020, theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 06-QĐ/KTĐUK, ngày 11/12/2020 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối các Cơ quan tỉnh Lạng Sơn; bị cáo bị tạm hoãn xuất cảnh trong thời hạn chuẩn bị xét xử, có mặt tại phiên tòa.

*Nguyên đơn dân sự:* Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nông Thị Yến V - Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng thời là Trưởng ban Quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dương Chóng L; sinh năm 1964; trú tại: Thôn Khe Pặn Ngọn, xã Châu Sơn, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;
2. Ông Dương Kim H (H1), sinh năm 1984; trú tại: Thôn Khe Pặn Ngọn, xã Châu Sơn, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;
3. Bà Mông Thị L, sinh năm 1970; trú tại: Khu 3, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
4. Ông Bế Đức T, sinh năm 1990; trú tại: Khu 2, thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim H; Địa chỉ: Số \*\*, đường H, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Ngọc Q - Giám đốc; địa chỉ: Tổ \*, khu \*\*, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.
6. Công Ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B; địa chỉ: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn L- Giám đốc; Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người làm chứng*

1. Ông Triệu Sinh T, sinh năm 1984, vắng mặt.
2. Ông Hà Đức S, sinh năm 1981, vắng mặt.
3. Ông Hoàng Xuân Đ, sinh năm 1966, vắng mặt
4. Ông Tô Văn T, sinh năm 1979, vắng mặt.
5. Ông Tô Văn T1, sinh năm 1983, vắng mặt.
6. Ông Mã Cọc V, sinh năm 1956, vắng mặt.
7. Ông Triệu Tiến L, sinh năm 1983, có mặt.
8. Ông Triệu Tiến H, sinh năm 1985, vắng mặt.
9. Bà Triệu Thị X, sinh năm 1981, vắng mặt.
10. Ông Triệu Tiến T, sinh năm 1979, vắng mặt.
11. Ông Triệu Tiến S, sinh năm 1977, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban quản lý Dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Đ (viết tắt là BQLDA) được thành lập theo Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, có chức năng, nhiệm vụ là đại diện chủ đầu tư trực tiếp quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các dự án trồng rừng trên địa bàn huyện Đ theo quy định.

Trong các năm 2013, 2014, 2015, BQLDA thực hiện Dự án trồng, chăm sóc rừng phòng hộ tại các xã C, K và L thuộc huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, loại cây trồng là cây thông Mã Vĩ, cụ thể như sau:

Theo Hồ sơ quyết toán, BQLDA đã thanh, quyết toán Dự án trồng, chăm sóc rừng phòng hộ tại huyện Đ qua các năm như sau:

Năm 2013: BQLDA triển khai Dự án trồng rừng phòng hộ tại 03 xã: K, C, L, theo thiết kế kỹ thuật - Dự toán trồng rừng phòng hộ năm 2013 với tổng diện tích trồng rừng là 125ha, tổng kinh phí trồng rừng là 1.125.000.000 đồng từ vốn đầu tư phát triển, nguồn ngân sách nhà nước năm 2013. Trong đó chi phí nhân công trồng và chăm sóc, bảo vệ năm đầu tiên có đơn giá là 7.033.000 đồng/ ha; Cụ thể: tại xã K có 03 hộ tập thể ký hợp đồng nhận khoán trồng 39,8 ha rừng gồm các hộ Tô Văn T, Tô Văn T1, Mã Cọc V, đã quyết toán chi số tiền công trồng, chăm sóc năm đầu cho các hộ nhận khoán là 279.913.400 đồng. Tại xã C có 03 hộ tập thể nhận khoán trồng 44,4ha rừng gồm các hộ Dương Chóng L, Dương Kim H (H1), Triệu Sinh T, diện tích rừng trồng của các hộ này do ông Hà Đức S triển khai thực hiện, đã quyết toán chi số tiền công trồng, chăm sóc năm đầu cho các hộ nhận khoán là 312.265.200 đồng. Tại xã L có 05 hộ dân tập thể nhận khoán trồng, chăm sóc 40,8ha rừng gồm các hộ Triệu Tiến S, Triệu Tiến H, Triệu Thị X, Triệu Tiến L, Triệu Tiến T, đã quyết toán chi số tiền công trồng, chăm sóc năm đầu cho các hộ nhận khoán là 286.946.400 đồng. Các nội dung khác của dự án trồng rừng phòng hộ năm 2013 như chi phí cây con, chi phí khác BQLDA đã thực hiện và quyết toán chi đầy đủ.

Năm 2014: Tại xã C, BQLDA triển khai dự án trồng, chăm sóc rừng phòng hộ với tổng vốn đầu tư 900.000.000 đồng. Cụ thể rừng phòng hộ trồng mới với diện tích 50ha tại thôn K, xã C, hộ nhận khoán là hộ tập thể do ông Triệu Sinh T - Trưởng thôn K làm đại diện, chi phí nhân công trồng và chăm sóc năm đầu đơn giá là 7.052.680 đồng/ ha. Tiếp tục triển khai chăm sóc rừng phòng hộ năm thứ 2 đối với dự án đã được triển khai năm 2013 với diện tích 44,4ha, chi phí nhân công chăm sóc cây thông năm thứ hai theo đơn giá 2.686.800 đồng/ ha. Ban QLDA đã quyết toán chi số tiền công trồng, chăm sóc năm đầu 2014 cho hộ nhận khoán số tiền 352.634.000 đồng/ 50ha, chi số tiền công chăm sóc cây thông năm thứ hai số tiền 119.027.520 đồng/ 44,4ha. Tại xã K, tiếp tục triển khai chăm sóc rừng phòng hộ năm thứ hai đối với diện tích rừng 39,8ha đã trồng năm 2013, chi phí nhân công chăm sóc cây thông năm thứ hai đơn giá là 2.686.800 đồng/ ha, Ban QLDA đã quyết toán chi số tiền công cho hộ nhận khoán số tiền 106.695.840 đồng/ 39,8ha. Tại xã L, tiếp tục triển khai chăm sóc rừng phòng hộ năm thứ hai đối với diện tích rừng 40,8ha đã trồng năm 2013, chi phí nhân công chăm sóc cây thông năm thứ hai đơn giá là 2.686.800 đồng/ ha, Ban QLDA đã quyết toán chi số tiền công cho hộ nhận khoán số tiền 109.376.640 đồng/ 40,8ha. Các nội dung khác của dự án năm 2014 BQLDA đã thực hiện và quyết toán, chi đầy đủ.

Năm 2015: BQLDA triển khai dự án trồng, chăm sóc rừng phòng hộ với tổng số vốn đầu tư 900.000.000 đồng. Tại xã C, Ban QLDA triển khai Dự án trồng rừng phòng hộ mới với diện tích 47ha, hộ nhận khoán là 01 hộ tập thể đại

diện là ông Hà Đức S, chi phí nhân công trồng và chăm sóc năm đầu đơn giá là 7.052.680 đồng/ ha; tiếp tục thực hiện chăm sóc năm thứ hai đối với diện tích 50ha rừng phòng hộ trồng năm 2014, chi phí tiền công chăm sóc năm thứ hai đơn giá là 2.686.800đồng/ ha; chi phí tiền công chăm sóc cây năm thứ ba đối với diện tích rừng phòng hộ 44,4ha đã trồng năm 2013 đơn giá là 1.785.600 đồng/ ha. Ban QLDA đã quyết toán chi số tiền công trồng, chăm sóc năm đầu 2015 cho hộ nhận khoán số tiền 331.475.960 đồng/ 47ha, chi số tiền công chăm sóc cây thông năm thứ hai số tiền 134.340.000đồng/ 50ha, chi số tiền công chăm sóc cây thông năm thứ ba số tiền 79.280.640đồng/ 44,4ha. Tại xã K, tiếp tục triển khai chăm sóc rừng phòng hộ năm thứ ba đối với diện tích rừng 39,8ha đã trồng năm 2013, chi phí nhân công chăm sóc cây thông năm thứ ba đơn giá là 1.785.600 đồng/ ha, BQLDA đã quyết toán chi số tiền công cho hộ nhận khoán số tiền 71.245.440 đồng/ 39,8ha. Tại xã L, tiếp tục triển khai chăm sóc rừng phòng hộ năm thứ ba đối với diện tích rừng 40,8ha, chi phí nhân công chăm sóc cây thông năm thứ ba đơn giá là 1.785.600 đồng/ha, Ban QLDA đã quyết toán chi tiền công cho hộ nhận khoán số tiền 72.852.480đồng/ 40,8ha. Các nội dung khác của dự án năm 2015 BQLDA đã thực hiện, quyết toán và chi đầy đủ.

Thanh tra tỉnh Lạng Sơn làm việc với BQLDA về kết quả triển khai dự án, phát hiện có vi phạm, đã chuyển hồ sơ vụ việc sau thanh tra đến Cơ quan Cảnh sát điều tra để xác minh, làm rõ dấu hiệu vi phạm. Quá trình điều tra xác định diện tích trồng rừng thực tế như sau:

Tại Xã C: Diện tích thiết kế trồng rừng phòng hộ năm 2013 là 44,4ha, xác minh thực tế đã trồng 17,8 ha, còn lại 26,6 ha không trồng cây thông. Diện tích thiết kế trồng rừng phòng hộ năm 2014 là 50ha, xác minh thực tế đã trồng 20,5ha, còn lại 29,5 ha không trồng cây thông. Diện tích thiết kế trồng rừng phòng hộ năm 2015 là 47ha, xác minh thực tế đã trồng 43,6ha, còn lại 3,4ha không trồng cây thông.

Tại Xã K: Diện tích thiết kế trồng rừng phòng hộ năm 2013 là 39,8ha, xác minh thực tế đã trồng 18ha, còn lại 21,8 ha không trồng cây thông.

Tại xã L: Diện tích thiết kế trồng rừng phòng hộ năm 2013 là 40,8ha, xác minh thực tế đã trồng 36,6ha, còn lại 4,2 ha chưa trồng cây thông.

Tổng diện tích thực tế theo thiết kế của Dự án trồng rừng phòng hộ huyện Đ các năm 2013, 2014, 2015 chưa triển khai trồng nhưng đã thực hiện quyết toán tại các xã C, K, L thuộc huyện Đ là 85,5ha.

Tại bản Kết luận giám định ngày 05/02/2020 của giám định viên Hoàng Xuân N về tuổi cây, kết luận các mẫu cây gửi giám định có độ tuổi từ 05 đến 08 tuổi, phù hợp với thời gian trồng rừng phòng hộ của Dự án

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đình Lập số 01a/KL-HDDGTS ngày 06/02/2020 kết luận giá trị tài sản thiệt hại tại Ban quản lý dự án trồng, chăm sóc rừng phòng hộ huyện Đ giai đoạn 2013 – 2015 theo những nội dung yêu cầu định giá có giá trị là 916.477.812 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đình Lập đã xác định bị cáo Bùi Văn C - Phó BQLDA các năm 2013, 2014, 2015 được bà Mông Thị L - Trưởng BQLDA giao trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung của Dự án trồng rừng phòng hộ huyện Đình Lập các năm 2013, 2014, 2015 tại các xã C, K, L thuộc huyện Đình Lập theo thiết kế đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn phê duyệt. Trong thời gian nêu trên, bị cáo Bùi Văn C có nhiệm vụ chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện tại các xã có dự án, khảo sát địa điểm trồng rừng, khảo sát thiết kế, tổ chức họp dân phổ biến việc triển khai dự án, loại cây trồng, kỹ thuật trồng, cơ chế hưởng lợi, nghiệm thu các bước phát dọn thực bì, cuốc hố theo quy định, cấp phát cây giống cho các hộ nhận khoán để trồng rừng, nghiệm thu công tác trồng rừng xác định tỉ lệ sống của cây thông, nghiệm thu công tác trồng dặm và chăm sóc cây năm thứ hai, năm thứ ba; chi trả tiền của dự án cho các hộ nhận khoán, lập hồ sơ, chứng từ chuyển cho bộ phận kế toán để quyết toán kinh phí dự án. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, khi khảo sát địa điểm để trồng rừng, tại thôn B, xã K và thôn K, xã C, bị cáo chỉ đứng ở xa để quan sát, không đến tận nơi, tại xã L và thôn K, xã C, bị cáo có đến tận địa điểm trồng rừng nhưng không khảo sát hết diện tích đất để trồng rừng; Sau đó, bị cáo tiến hành bàn giao mặt bằng là diện tích đất để trồng rừng nhưng không bàn giao ranh giới cụ thể cho hộ nhận khoán; Việc nghiệm thu diện tích trồng, tỉ lệ sống của cây thông qua các năm 2013, 2014, 2015 tại xã L và thôn K, xã C, bị cáo đến trực tiếp vị trí trồng rừng để nghiệm thu nhưng chỉ đứng ở lưng chừng lô để quan sát, không đi hết diện tích rừng trồng cần nghiệm thu; tại thôn B, xã K và thôn K, xã C, bị cáo đứng ở vị trí đối diện với vị trí rừng trồng để quan sát và nghiệm thu.

Bị cáo Bùi Văn C đã thực hiện không đúng nhiệm vụ của mình trong công tác khảo sát, thiết kế, thực hiện và nghiệm thu dự án nên dẫn đến việc không phát hiện tại các địa điểm tiến hành dự án có nhiều khu vực đất có độ dốc cao, có nhiều đá hộc, đá vĩa không thể tiến hành trồng cây thông theo thiết kế, dẫn đến hậu quả có 85,5ha/222ha diện tích thiết kế không có cây Thông mà vẫn được BQLDA chi trả tiền công trồng, chăm sóc các năm 2013, 2014, 2015 cho các hộ dân nhận ký hợp đồng trồng, chăm sóc rừng tại các xã C, K, L thuộc huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, làm thiệt hại đến ngân sách của nhà nước số tiền 916.477.812 đồng.

Cáo trạng số 15/CT-VKS-ĐL ngày 08/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Bùi Văn C về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập đã truy tố. Bị cáo Bùi Văn C đã nộp số tiền 427.000.000đ (bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2015/002713, ngày 30/11/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn để bồi thường thiệt hại cho BQLDA; ông Dương Chóng L và ông Dương Kim H (H1) thừa nhận đã giao nộp mỗi người 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đồng do

trước đó bị cáo Bùi Văn C đã lấy tiền cá nhân để chi tiền công trồng và chăm sóc rừng cho hai ông nhưng thực tế hai ông không thực hiện dự án.

Bà Nông Thị Yến V – Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ đồng thời là Trưởng BQLDA là đại diện nguyên đơn dân sự trong quá trình điều tra yêu cầu Công ty TNHH một thành viên Kim H, Công ty TNHH một thành viên B và bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà Nông Thị Yến Vinh xác định thiệt hại của BQLDA là do hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo Bùi Văn C gây ra nên chỉ yêu cầu bị cáo Bùi Văn C bồi thường toàn bộ thiệt hại, không yêu cầu Công ty TNHH một thành viên Kim H, Công ty TNHH một thành viên B phải bồi thường.

Quá trình điều tra Công ty TNHH một thành viên Kim H, Công ty TNHH một thành viên B thừa nhận thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng khảo sát, thiết kế trồng và chăm sóc rừng phòng hộ cho BQLDA huyện Đ; Bà Nông Thị L có thiếu sót trong cương vị Trưởng ban quản lý dự án phụ trách chung chưa kiểm tra giám sát kịp thời; ông Bế Đức T thừa nhận do thiếu kinh nghiệm và làm việc theo hợp đồng lao động nên có ký một số văn bản đền thanh quyết toán trồng và chăm sóc rừng phòng hộ cho các hộ dân theo chỉ đạo của bị cáo.

Ông Dương Chóng L và ông Dương Kim H trình bày trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2015 có tên ký hợp đồng trồng và chăm sóc rừng phòng hộ nhưng thực tế không tham gia trồng và chăm sóc; hai ông được ông Hoàng Xuân T đưa cho 20.000.000 đồng, do không biết tiền gì nên đã tự nguyện giao nộp cho Công an xã Châu Sơn, nay không yêu cầu trả lại số tiền đã giao nộp.

Trong quá trình điều tra các hộ dân thực hiện khoán trồng rừng phòng hộ đều thừa nhận được trồng và chăm sóc rừng phòng hộ giai đoạn từ 2013 đến 2015, không biết diện tích được khoán là bao nhiêu, cũng không biết đã nhận được bao nhiêu tiền trồng và chăm sóc rừng phòng hộ nhưng đều khẳng định đã được thanh toán đầy đủ và ký vào chứng từ do Ban quản lý dự án lập.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn C phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; các điểm b, g, s, v khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 32, 38, Điều 50 và 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn C 03 (ba) năm tù cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 5 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn tổng số tiền 916.477.812đ (chín trăm mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười hai đồng). Xác nhận đã đã nộp số tiền 427.000.000đ (bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2015/002713, ngày 30/11/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn và 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) (tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đình Lập với Chi cục Thi hành án dân

sự huyện Đình Lập), tổng cộng bị cáo đã nộp để bồi thường với số tiền 467.000.000đ (bốn trăm sáu mươi bảy triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 449.477.812đ (bốn trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười hai đồng).

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX xác nhận bị cáo tự nguyện nộp số tiền này để khắc phục hậu quả bị thiệt hại, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 02 (hai) bì niêm phong số tiền 40.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên về luận tội danh, điều luật áp dụng, về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng không có tranh luận gì thêm.

Nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, hiện nay đang có công việc và chỗ ở ổn định, bản thân còn mẹ già yếu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để đi làm có thu nhập nuôi mẹ và bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử xác định: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim H và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B là bị đơn dân sự, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn dân sự xác định thiệt hại đã được bị cáo bồi thường toàn bộ nên đã rút yêu cầu bồi thường và việc rút yêu cầu không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên được chấp nhận, vì vậy xác định hai Công ty tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; ông Triệu Sinh T; ông Hà Đức S; ông Hoàng Xuân Đ; ông Tô Văn T; ông Tô Văn T1; ông Mã Cọc V; ông Triệu Tiến L; ông Triệu Tiến H; bà Triệu Thị X; ông Triệu Tiến T; ông Triệu Tiến S được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nhưng tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu các những người này có trách nhiệm trả lại tiền đã nhận cho bị cáo, những người này cũng không có quyền lợi gì liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử xác định những người này tham gia tố tụng là người làm chứng trong vụ án. Việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không ảnh hưởng đến kết quả giải

quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2015, bị cáo Bùi Văn C giữ chức vụ Phó Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Đ có trách nhiệm triển khai, thực hiện dự án trồng, chăm sóc rừng phòng hộ tại các xã C, K, L thuộc huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, đã có hành vi thiếu trách nhiệm, thực hiện không đúng các công việc theo nhiệm vụ được giao, gây thiệt hại số tiền 916.477.812 đồng của ngân sách nhà nước. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Bùi Văn C về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn của BQLDA làm mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào đối với Nhà nước; gây thất thoát, lãng phí đến tài sản của Nhà nước. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm trước pháp luật. Để có hình phạt thỏa đáng ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xem xét đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Về nguyên nhân, điều kiện phạm tội: Bị cáo phạm tội là do BQLDA mới được thành lập, bị cáo còn thiếu kinh nghiệm trong việc triển khai thực hiện dự án, thời gian triển khai dự án gấp, bị cáo mong muốn thực hiện xong dự án; địa bàn thực hiện dự án phân tán nhiều nơi, đều là những nơi xa khu dân cư đường đi lại khó khăn, địa hình đồi núi có độ dốc cao, phức tạp. Về nhân thân bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, đang là đảng viên, công chức nên được coi là có nhân thân tốt. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường được phần lớn thiệt hại xảy ra; phạm tội do hoàn cảnh đặc khó khăn không phải do mình gây ra; nguyên đơn dân sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2017; Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn nơi bị cáo đang công tác đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo được tiếp tục làm việc cho Chi cục Kiểm lâm. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, g, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt chính, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xem xét đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, thấy rằng: Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành chính sách pháp luật; có nơi cư trú, làm việc làm việc

rõ ràng; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật. Xét thấy, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn và gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, xét thấy bị cáo hiện đang làm công chức công tác tại Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn, không giữ chức vụ gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 916.477.812 đồng (chín trăm mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười hai đồng), bị cáo Bùi Văn C đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại như yêu cầu của nguyên đơn dân sự và đã nộp số tiền 427.000.000đ (bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/002713, ngày 30/11/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, cùng với số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) do Dương Chóng L và ông Dương Kim H (H1) đã giao nộp mỗi người 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) trong quá trình điều tra, tổng cộng bị cáo đã nộp để bồi thường với số tiền 467.000.000đ (bốn trăm sáu mươi bảy triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 449.477.812 đồng (bốn trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười hai đồng). Bị cáo Bùi Văn C không yêu cầu các hộ dân đã thực hiện dự án phải trả lại tiền đã nhận nhưng không trồng và không chăm sóc rừng; cũng không yêu cầu Công ty TNHH một thành viên Kim H, Công ty TNHH một thành viên B trả lại tiền đã thanh lý hợp đồng tư vấn thiết kế, trồng và chăm sóc rừng.

[9] Về xử lý vật chứng: 02 phong bì niêm phong ,01 phong bì do ông Dương Chóng L nộp, 01 phong bì do ông Dương Kim H nộp, mặt trước ghi số tiền số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), mặt sau có điểm chỉ vân tay và chữ ký của những người tham gia niêm phong cùng hình dấu của Ban Công an xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn tại nơi giáp lai bên trong mỗi phong bì là số tiền 20.000.000đ, xác định là tiền cá nhân bị cáo đưa cho ông Dương Chóng L và ông Dương Kim H để trả tiền trồng và chăm sóc rừng nhưng thực tế ông Dương Chóng L và ông Dương Kim H không thực hiện dự án nên tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan điều tra, vì vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng chuyển số tiền này sang tiền bị cáo nộp để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự.

[10] Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của Ban quản lý dự án đã rút toàn bộ yêu cầu Công ty TNHH một thành viên Kim H, Công ty TNHH một thành viên B bồi thường thiệt hại do không thực hiện đúng hợp đồng tư vấn thiết kế trồng rừng

và chăm sóc rừng phòng hộ, vì thiệt hại của BQLDA đã được bị cáo bồi thường toàn bộ, việc rút yêu cầu nay là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không gây thiệt hại về tài sản cho Nhà nước nên được chấp nhận.

[11] Bà Mông Thị L giữ chức vụ Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ kiêm Trưởng BQLDA, chịu trách nhiệm chung về việc triển khai dự án, do đã giao các công việc chính của dự án cho bị cáo Bùi Văn C nên không có căn cứ xử lý. Đối với Bế Đức T là cán bộ kỹ thuật, được cùng bị cáo tham gia một số hoạt động chi trả tiền công trồng, chăm sóc cho người dân các năm 2013, 2014, 2015, có ký tên trên một số tài liệu, chứng từ nghiệm thu trồng, chăm sóc rừng. Tuy nhiên, do được tuyển dụng thông qua hợp đồng lao động, là sinh viên mới ra trường, Bế Đức T thực hiện công việc theo sự chỉ đạo trực tiếp của bị cáo Bùi Văn C để hoàn thiện thủ tục thanh, quyết toán dự án, do đó không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền chưa bồi thường theo quy định tại khoản 2 điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[12] Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 360; Điều 32, 38, Điều 50 và 65; điểm b, g, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1, khoản 2 Điều 589; các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn C phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bùi Văn C cho Ủy ban

nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm phối với Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

*Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

### 3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Buộc bị cáo Bùi Văn C phải bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý Dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Đ tổng số tiền là 916.477.812đ (chín trăm mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười hai đồng). Xác nhận đã đã nộp số tiền 427.000.000đ (bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2015/002713, ngày 30/11/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn và 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) (tại 02 phong bì niêm phong theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đình Lập với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập), tổng cộng bị cáo đã nộp để bồi thường với số tiền 467.000.000đ (bốn trăm sáu mươi bảy triệu đồng), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 449.477.812đ (bốn trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: 02 (hai) phong bì, mặt trước ghi số tiền số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), mặt sau có điểm chỉ vân tay và chữ ký của những người tham gia niêm phong cùng hình dấu của Ban Công an xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn tại nơi giáp lai, bên trong đựng số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đình Lập với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập) được chuyển sang tiền bị cáo nộp để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả.

5. Án phí: Bị cáo Bùi Văn C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 21.979.000đ (hai mươi một triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước.

6. Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự; Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Công Chung**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Chiêu**

**Nguyễn Công Chung**

**Hoàng Văn Lương**